

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/DS-ST.
Ngày 25-6-2024.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Kỳ Trung;

Ông Trần Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Hạnh- là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 25 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1). Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo uỷ quyền: bà Thái Thị Hồng H- Phó Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ KHCN-Khối quản trị rủi ro. Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Thành L – Cán bộ xử lý nợ. (Theo văn bản uỷ quyền số 1091/2024/SE/UQ-VPB ngày 10-6-2024- có mặt.

Bị đơn:

- Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1992; Nơi ĐKKHKT: khu phố T, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh- vắng mặt.

- Chị Bùi Thị Kim B, sinh năm 1992; địa chỉ: khu phố T, phường G, thị xã

T, tỉnh Tây Ninh- có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Thành L trình bày:

Ngân hàng TMCP V (V1) (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã cho anh Nguyễn Trung K, chị Bùi Thị Kim B vay tiền số tiền 499.000.000 đồng theo hợp đồng vay số LN2210177117516 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 26-10-2022, thời hạn 96 tháng, để mua xe ô tô 5 chỗ hiệu MG (Morris GaraGes), MG5 1.5L Lux, 1,5AT sản xuất mới 100%, lãi suất tại thời điểm cho vay là 11%/ năm. Sau khi ký hợp đồng vay tiền Ngân hàng đã giải ngân tiền anh K đã nhận xe và thế chấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe cho Ngân hàng. Trả theo hình thức trả góp hàng tháng, mỗi tháng vào ngày 15, anh K phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 5.198.000 đồng và tiền lãi. Sau khi ký hợp đồng anh K đóng tiền hàng tháng cho Ngân hàng đến tháng 5-2023 với số tiền là 51.298.914 đồng, trong đó: nợ gốc 25.991.483 đồng; lãi 25.307.431 đồng; hợp đồng này anh K, chị B còn nợ lại số tiền gốc là 473.008.517 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15-5-2024 là 66.984.858 đồng. Ngoài ra, ngày 05-11-2022 anh K có mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP V (V1) theo hợp đồng tín dụng số 377-P-1998870 với hạn mức 24.950.000 đồng, lãi suất 44,88%, theo đó anh K đã sử dụng số tiền gốc 6.476.478 đồng, hiện đối với thẻ tín dụng anh K còn nợ tổng cộng 10.327.484 đồng, trong đó, tiền gốc 6.476.478 đồng và lãi 3.851.005 đồng.

Do anh K, chị Bằng k thực hiện đúng theo hợp đồng vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu anh K, chị B trả số tiền gốc của hợp đồng tín dụng và hợp đồng mở thẻ tín dụng là 479.484.995 đồng và tiền lãi kèm theo. Tại phiên Tòa, đại diện Ngân hàng xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ thẻ tín dụng là 10.327.484 đồng, trong đó, tiền gốc 6.476.478 đồng và lãi 3.851.005 đồng; chỉ yêu cầu anh K, chị B trả tiền nợ hợp đồng tín dụng với số tiền gốc là 473.008.517 và tiền lãi tính đến ngày 24-6-2024 là 92.038.144 đồng. Nếu anh K, chị Bằng k thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Trung K trình bày thể hiện trong hồ sơ: Thừa nhận, ngày 26-10-2022 anh có ký hợp đồng vay số tiền 499.000.000 đồng của Ngân hàng V, chi nhánh Thành phố H để mua xe ô tô 5 chỗ hiệu MG (Morris GaraGes), MG5 1.5L Lux, 1,5AT sản xuất mới 100%, thời hạn vay là 96 tháng, lãi suất tại thời điểm cho vay là 11%/ năm. Sau khi ký hợp đồng vay tiền Ngân hàng đã giải ngân tiền anh đã nhận xe và thế chấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe cho Ngân hàng. Hình thức trả tiền là trả theo hình thức trả góp hàng tháng, mỗi tháng vào ngày 15, anh phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 5.198.000 đồng và tiền lãi. Sau khi ký hợp đồng anh đóng tiền hàng tháng cho Ngân hàng đến tháng 5-2023 thì ngưng đóng đến nay,

tổng cộng anh trả được cho Ngân hàng bao nhiêu tiền thì anh không nhớ. Ngoài ra, anh có mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng V1 với hạn mức 10.000.000 đồng; anh có sử dụng thẻ chuyển tiền vào thẻ của mình với số tiền hơn 6.000.000 đồng nhưng cụ thể bao nhiêu anh không nhớ, cũng không nhớ thời điểm sử dụng số tiền trên. Vào ngày 10-4-2023 anh có cầm chiếc xe CVP biển số 70A-409.64 cho cửa hàng C; địa chỉ ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An với số tiền 100.000.000 đồng. Thời hạn cầm cố theo biên lai là 01 tháng từ ngày 10-4-2023 đến ngày 10-5-2023. Sau đó anh đóng lãi được 04 tháng thì không có khả năng đóng nữa nên cửa hàng đã bán thanh lý xe của anh hiện không còn. Nay Anh đồng ý trả cho ngân hàng theo yêu cầu của Ngân hàng.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Bùi Thị Kim B trình bày thể hiện trong hồ sơ: Chị thừa nhận, ngày 26-10-2022 vợ chồng chị có vay Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền 499.000.000 đồng để vay mua xe ô tô nhưng việc trả tiền ngân hàng do anh K trả, nên trả được bao nhiêu thì chị không biết. Nếu anh K thống nhất với số tiền còn nợ theo Ngân hàng khởi kiện thì chị đồng ý cùng anh K trả số tiền trên. Về số tiền nợ tín dụng thì chị không đồng ý trả vì anh K tự ý mở thẻ sử dụng cá nhân nên chị không biết sự việc này.

Nguyên vọng: Chị đồng ý trả số tiền vay theo hợp đồng mua xe là 473.008.517 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15-5-2024 là 66.984.858 đồng; chị không đồng ý trả số tiền nợ thẻ là 10.327.484 đồng, trong đó, tiền gốc 6.476.478 đồng và lãi 3.851.005 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn. Nguyên đơn, bị đơn chị B đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn anh Nguyễn Trung K vắng mặt không lý do tại phiên tòa lần 2, là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, của bị đơn quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự, làm vụ án giải quyết kéo dài.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1) “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với anh Nguyễn Trung K, chị Bùi Thị Kim B.

Buộc anh K, chị B có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng V1, số tiền nợ gốc: 473.008.517 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết đến khi trả hết nợ.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của V1 đối với anh Nguyễn Trung K, chị Bùi Thị Kim B, về việc yêu cầu trả nợ Thẻ tín dụng, do rút yêu cầu.

- Về án phí: anh Nguyễn Trung K, chị Bùi Thị Kim B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: bị đơn anh Nguyễn Trung K, chị Bùi Thị Kim B vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K, chị B là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu anh K, chị B trả tiền nợ thẻ tín dụng tổng cộng 10.327.484 đồng, trong đó, tiền gốc 6.476.478 đồng và lãi 3.851.005 đồng. Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ thẻ tín dụng trên. Xét việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng và thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung:

Qua làm việc, các bên đương sự xác nhận: Ngày 26-10-2022 Ngân hàng V, chi nhánh Thành phố H và anh K, chị B có ký hợp vay số LN2210177117516 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ cho anh K, chị B vay số tiền 499.000.000 đồng. Mục đích vay là của để mua xe ô tô 5 chỗ hiệu MG (Morris GaraGes), MG5 1.5L Lux, 1,5AT sản xuất mới 100%, thời hạn vay là 96 tháng, lãi suất tại thời điểm cho vay là 11%/ năm. Xét thấy: Nội dung hợp đồng vay và phụ lục hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các đương sự ký kết các văn bản trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Vì vậy, nội dung hợp đồng vay và phụ lục hợp đồng là hợp pháp.

Các đương sự đều có đủ năng lực chủ thể khi tham gia ký kết hợp đồng vay và phụ lục hợp đồng. Vì vậy, hợp đồng vay và phụ lục hợp đồng hợp pháp về chủ thể. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hợp pháp về hình thức.

[4] Về tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp: Tài sản thế chấp là xe ô tô 5 chỗ hiệu MG (Morris GaraGes), MG5 1.5L Lux, 1,5AT; biển số 70A-409.64; số khung: MMLA36U64NG028241; số máy 15S4C5QTN7130024 do anh Nguyễn Trung K đứng tên giấy chứng số nhận 70000591 đăng ký theo Hợp đồng thế chấp số LN2210177117516 ngày 28-10-2022. Hợp đồng thế chấp được lập

thành văn bản và được đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh. Các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng có đầy đủ tư cách, đủ năng lực chủ thể, các bên tự nguyện giao kết, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng thể chấp là hợp pháp.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả gốc và lãi: Do hợp đồng vay được ký kết hợp pháp, nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho vay. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên có căn cứ thu hồi đối với khoản nợ trên theo thỏa thuận trong hợp đồng vay. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà nguyên đơn cung cấp tính đến ngày 24-6-2024 thể hiện:

Về nợ gốc: Theo hợp đồng vay, bị đơn anh K, chị B vay số tiền 499.000.000 đồng, được giải ngân 01 lần, thời hạn trả gốc được ghi trong hợp đồng cụ thể như sau: số nợ gốc trả định kỳ 01 tháng/ 01 lần vào ngày 15, kỳ đầu tiên trả vào ngày 15-12-2022. Số tiền nợ gốc phải trả trong mỗi kỳ là 5.198.000 đồng, kỳ cuối cùng trả dứt nợ. Anh K, chị B đã trả nợ cho ngân hàng đến tháng 15-5-2023 được 25.991.463 đồng tiền gốc, hiện còn nợ lại 473.008.517 đồng tiền gốc.

Về nợ lãi: kể từ ngày 16-5-2023 anh K, chị B chưa trả bất kỳ khoản tiền lãi nào cho Ngân hàng. Tính đến ngày 24-6-2024 tiền lãi quá hạn là 92.038.144 đồng.

Vì anh K, chị B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu anh K, chị B trả toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi của hợp đồng vay với số tiền là 565.046.661 đồng là có căn cứ chấp nhận do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, theo quy định của pháp luật anh K, chị B còn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả lãi quá hạn trên dư nợ gốc kể từ ngày 25-6-2024 đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

[6] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: xe ô tô 5 chỗ hiệu MG (Morris GaraGes), MG5 1.5L Lux, 1,5AT; biển số 70A-409.64; số khung: MMLA36U64NG028241; số máy 15S4C5QTN7130024 do anh Nguyễn Trung K đứng tên giấy chứng số nhận 70000591 đăng ký theo Hợp đồng thế chấp số LN2210177117516 ngày 28-10-2022. Quan hệ phát sinh trong vụ án này từ hợp đồng vay có tài sản bảo đảm. Theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thế chấp và các quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm thì trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Xét tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh K, chị B. Do đó yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không trả được nợ là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[8] Án phí: anh K, chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 303, 304 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 228, 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1). Buộc anh Nguyễn Trung K và chị Bùi Thị Kim B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 24-6-2024 theo hợp đồng vay số LN2210177117516 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ là: **565.046.661 đồng** (năm trăm sáu mươi lăm triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh K, chị B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh K, chị B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số tiền trên và lãi phát sinh thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật là: Xe ô tô 5 chỗ hiệu MG (Morris GaraGes), MG5 1.5L Lux, 1,5AT; biển số 70A-409.64; số khung: MMLA36U64NG028241; số máy 15S4C5QTN7130024 do anh Nguyễn Trung K đứng tên chủ sở hữu theo giấy chứng số nhận số 70000591.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo nêu trên không đủ để thanh toán khoản nợ thì anh K, chị B vẫn phải có nghĩa vụ trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng TMCP V (V1).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1) đối với số tiền nợ thế tín dụng là 10.327.484 đồng, trong đó, tiền gốc 6.476.478 đồng và lãi 3.851.005 đồng.

3. Về án phí:

- Anh Nguyễn Trung K và chị Bùi Thị Kim B phải chịu số tiền 26.602.000 (hai mươi sáu triệu sáu trăm lẻ hai nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền 12.123.500 (mười hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015080 ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

4. Quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP V (V1) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng anh K, chị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Như Thủy